

Bản án số: 117/2017/DS-ST
Ngày: 26-10-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Luận

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đăng, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn P, sinh năm: 1975; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoắc L, sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh N, sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2017, bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn P trình bày:

Do bà con họ hàng nên bà có cho vợ chồng bà Hoắc L, ông Huỳnh N vay tiền nhiều lần:

Lần 1: Ngày 24/8/2011 (âm lịch) bà có cho bà L, ông N vay 15.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 05/12/2011 (âm lịch) bà có cho bà L, ông N vay 10.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 18/12/2011 (âm lịch) bà có cho bà L, ông N vay 91.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà đã cho bà L, ông N vay số tiền 116.000.000 đồng.

Vì là bà con họ hàng nên bà L, ông N hứa vài tháng sẽ trả tiền dần cho bà nên những lần vay bà không yêu cầu viết giấy nợ cũng không yêu cầu đóng lãi.

Ngày 28/12/2011, bà và bà L tổng kết số tiền của 03 lần vay là 116.000.000 đồng và bà L có viết giấy nợ, bà L hứa mỗi tháng vợ chồng bà L, ông N sẽ trả cho bà

2.000.000 đồng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 02/2012 (âm lịch). Tuy nhiên, từ đó cho đến nay bà L, ông N vẫn không trả tiền cho bà như đã hứa.

Nay bà yêu cầu bà Hoắc L, ông Huỳnh N trả cho bà số tiền vốn vay là 116.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/02/2012 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn là bà Hoắc L trình bày:

Bà thừa nhận có vay nợ của bà Nguyễn P. Ngày 24/8/2011 (âm lịch), bà có vay của bà P 15.000.000 đồng. Ngày 05/12/2011 (âm lịch), bà có vay của bà P 10.000.000 đồng.

Sau đó, đến ngày 18/12/2011 (âm lịch), bà có hót 02 phần hụi 1.000.000 đồng do bà P làm chủ với số tiền hơn 40.000.000 đồng nên số tiền này bà đã giao qua cho bà P để trừ số tiền vay. Khoảng tháng 11/2011 âm lịch, tổng kết nợ hụi là 61.000.000 đồng chứ không phải 91.000.000 đồng.

Giấy vay tiền mà bà P cung cấp thì bà có ký tên nhưng số tiền 116.000.000 đồng bà do bà P tự viết vào. Tuy nhiên, bà P khởi kiện yêu cầu bà trả cho bà P với số tiền 116.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý trả nợ nhưng bà xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên hòa giải nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh N đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử nhưng ông N vắng mặt. Tại phiên tòa được mở lại vào ngày 26/10/2017, ông N vẫn vắng mặt. Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L, ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 116.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/02/2012 (âm lịch) đến ngày bà nộp đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Huỳnh N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2]. Về nội dung:

Bà P khởi kiện và nộp kèm chứng cứ là giấy viết tay nội dung “Hoắc L có mượn của cô P số tiền 116.000.000 đồng. Bắt đầu tháng 2 sẽ trả cho P mỗi tháng 2.000.000đ. 24/8/2011 15 triệu. 5/12/2011 10 triệu. 18/12/2011 91 triệu. Tổng cộng 116.000.000 triệu chẵn. Người cho mượn P”. Có chữ ký và đề tên L.

Bà P khởi kiện yêu cầu bà L, ông N phải trả cho bà số tiền vốn vay là 116.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù giữa bà P và bà L có ý kiến khác nhau về số tiền vay, bà P cho rằng số tiền 116.000.000 đồng là tổng cộng 03

lần bà L vay tiền của bà. Bà L thì cho rằng bà có thừa nhận vay 02 lần với số tiền 25.000.000 đồng, còn số còn lại là tiền hụi. Tuy nhiên, bà L cũng đồng ý có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 116.000.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005 thì hợp đồng giữa bà P và bà L là hợp đồng vay tài sản. Đây là hợp đồng vay không có lãi, có thời hạn. Do bà L không thực hiện đúng như thỏa thuận là mỗi tháng trả cho bà P 2.000.000 đồng nên bà P khởi kiện yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tiền lãi, do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bà L, ông N phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ và được tính như sau:

- Lãi suất cơ bản tại thời điểm trả nợ theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 9%/năm, tương ứng 0,75%/tháng.

- Thời gian bà L, ông N phải trả lãi là từ ngày 29/02/2012 (âm lịch) là ngày 21/3/2012 đến ngày 31/3/2017 (ngày bà P nộp đơn khởi kiện) được tính là 61 tháng 10 ngày nhưng bà P chỉ yêu cầu tính lãi 61 tháng.

- Tiền lãi suất cơ bản được tính là 61 tháng $\times$ 116.000.000 đồng $\times$ 0,75%/tháng = 53.070.000 đồng.

Bà L đồng ý trả nợ nhưng trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu bà P không tính nợ lãi quá hạn và cho vợ chồng bà được thanh toán theo phương thức trả dần với số tiền mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử buộc bà L phải trả cho bà P số tiền là 116.000.000 đồng + 53.070.000 đồng = 169.070.000 đồng. Đối với số tiền lãi sau ngày bà P nộp đơn khởi kiện, do bà P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N chồng bà L cũng biết việc bà P khởi kiện đối với vợ chồng ông nhưng ông không có một ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, hiện ông và bà L là vợ chồng hợp pháp và việc vay tiền của bà L là để làm ăn phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông N, bà L phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ cho bà P.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L, ông N phải chịu 5% của số tiền 169.070.000 đồng, được tính là 8.453.500 đồng.

Bà P không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.226.750 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688, Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 305, 471, 473, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn P đối với bà Hoắc L, ông Huỳnh N về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ vay.

Buộc bà Hoắc L, ông Huỳnh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn P số tiền 169.070.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó gồm: nợ gốc là 116.000.000 đồng (*Một trăm mười sáu triệu đồng*), nợ lãi là 53.070.000 đồng (*Năm mươi ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn P, nếu bà Hoắc L và ông Huỳnh N chưa thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hoắc L và ông Huỳnh N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.453.500 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng*); bà L, ông N còn phải nộp đủ số tiền này

Bà Nguyễn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.226.750 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu số 0006639 ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng